

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 95/2022/DS-ST.  
Ngày: 19-8-2022.  
“*V/v tranh chấp hui*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Thanh Tùng.

2. Ông Đỗ Thanh Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị PH Yên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: 396, ấp Đông N, xã Bình H, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* bà Lê Thị Hoàng T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 621, ấp A, thị trấn Giồng T, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 621, ấp A, thị trấn Giồng T, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà H có mặt, bà T và ông H vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản khai và biên bản lấy lời khai của đương sự, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh H trình bày:

Bà có tổ chức chơi hui, bà Lê Thị Hoàng T có tham gia chơi hui do bà làm chủ, các dây hui cụ thể như sau:

- Dây hui 500.000 đồng, ngày mở hui đầu tiên là 05/5/2018 âm lịch, gồm 30 phần, bà T tham gia 02 phần, hui mãi ngày 05/10/2020 âm lịch. Bà T đã hót 01

phần hui vào ngày 05/8/2018 âm lịch, bà đã giao đủ tiền hui cho bà T với số tiền là 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) và bà T phải đóng tiếp cho bà 26 tháng hui chết với số tiền 500.000 đồng x 26 = 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Từ khi hốt hui cho đến nay bà T không đóng hui tiếp cho bà. Còn 01 phần hui sống, bà T đã đóng được 04 tháng với số tiền 1.450.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Dây hui 1.000.000 đồng, ngày mở hui đầu tiên là 25/6/2018 âm lịch, gồm 28 phần, bà T tham gia 02 phần, hui mãn ngày 25/8/2020 âm lịch. Bà T đã hốt 01 phần hui vào ngày 25/7/2018 âm lịch, bà đã giao đủ tiền hui cho bà T với số tiền là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) và bà T phải đóng tiếp cho bà 25 tháng hui chết với số tiền 1.000.000 đồng x 25 = 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Từ khi hốt hui cho đến nay bà T không đóng hui tiếp cho bà. Còn 01 phần hui sống, bà T đã đóng được 02 tháng với số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Như vậy, đối với 02 phần hui chết bà T còn nợ lại bà tổng cộng là 13.000.000 + 25.000.000 = 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng), sau khi trừ 02 phần hui sống với số tiền 1.450.000 đồng + 1.400.000 đồng = 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) thì bà T còn nợ lại bà số tiền hui là 35.150.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền này, không yêu cầu tính lãi.

Khi tổ chức chơi hui bà có sổ ghi các dây hui thể hiện cụ thể tên hui viên, ngày tháng năm mở hui, mệnh giá của dây hui, khi hui viên đóng hui bà sẽ đánh dấu “ X ” tương ứng vào tháng mà hui viên đóng hui. Tuy nhiên, hiện tại bà đã làm mất sổ này nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bà cung cấp chứng cứ cho Tòa án là 02 giấy giao tiền hui cho bà T vào các ngày 05/8/2018 âm lịch, 25/7/2018 âm lịch, bà T có ký tên và ghi rõ họ tên vào các giấy này.

Việc bà yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ liên đới cùng bà Lê Thị Hoàng T trả tiền hui cho bà vì bà T và ông H là vợ chồng, việc bà T tham gia chơi hui của bà ông H biết và có lần ông H có đóng hui trực tiếp cho bà. Đây là nợ chung của vợ chồng bà T, ông H nên bà T và ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hui 35.150.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), bà không yêu cầu trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà T, ông H đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, bà H trình bày bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do cuối tháng 10/2018 âm lịch vợ chồng bà T, ông H bỏ đi nên bà không khởi kiện. Sau đó vợ chồng bà T, ông H về nên bà mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T, ông H trả cho bà số tiền nợ hui.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng và tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà H đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H không có mặt theo Giấy triệu tập của Toà án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, cũng không tham gia phiên tòa. Như vậy, bà T và ông H không tuân thủ và không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Vi phạm của bà T, ông H ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nhưng không lớn nên không cần thiết phải xử lý.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh H.

Buộc bà Lê Thị Hoàng T và ông Nguyễn Ngọc H liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H số tiền nợ hui là 35.150.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc bà Lê Thị Hoàng T và ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui cho bà H. Bà T là bị đơn trong vụ án cư trú tại thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị Hoàng T và ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông H.

[2] Về nội dung:

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ hui là 35.150.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi. Với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà T và ông H không có ý kiến phản đối và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Theo các giấy hui bà H cung cấp có chữ ký “T” và chữ viết “Lê Thị Hoàng T”. Căn cứ vào các giấy hui do bà H cung cấp, lời trình bày của bà H và các Biên bản xác minh ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, xét thấy đối với dây hui 1.000.000 đồng, dây hui này gồm 28 phần hui, bà T hốt hui vào ngày 25/7/2018 âm lịch, số tiền hui hốt được là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), bà T phải đóng lại hui chết cho bà H là 25 phần tức 25.000.000 đồng (hai

mười lăm triệu đồng). Đối với dây hụi 500.000 đồng, dây hụi này gồm 30 phần, bà T hốt ngày 05/8/2018 âm lịch, số tiền hụi hốt được là 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng), bà T phải đóng lại hụi chết cho bà H là 26 phần tức 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Tổng cộng, đối với 02 phần hụi đã hốt, bà T phải đóng lại cho bà H số tiền hụi là 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà H thì trong mỗi dây hụi nêu trên, bà T còn 01 phần hụi chưa hốt và đã đóng hụi cho bà H với số tiền tổng cộng là 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Bà H đồng ý trừ số tiền này vào số tiền hụi bà T còn nợ bà. Như vậy, bà T còn nợ bà H số tiền hụi là 35.150.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà H số tiền này là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ông H, do ông H là chồng hợp pháp của bà T, ông H không có ý kiến đối với việc bà H yêu cầu ông có trách nhiệm liên đới với bà T trả nợ hụi cho bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về hộ, hụi, biếu, phưởng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà T và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ hụi là 35.150.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Về tiền lãi: do bà H không yêu cầu bà T và ông H có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T và ông H phải liên đới chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: 5% của số tiền 35.150.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) là 1.757.500 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bà H không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về hộ, hụi, biếu, phưởng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Huỳnh H.

Buộc bà Lê Thị Hoàng T và ông Nguyễn Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H số tiền hụi là 35.150.000 đồng (ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Huỳnh H không yêu cầu bà Lê Thị Hoàng T và ông Nguyễn Ngọc H trả lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc bà Lê Thị Hoàng T và ông Nguyễn Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí 1.757.500 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Huỳnh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 578.750 đồng (năm trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008279 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Đỗ Thị Mộng Tuyền**